

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/DS -ST

Ngày: 10/5/2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bảng.

2. Bà Nguyễn Thị Vượng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 174/2023/TLST- DS ngày 23/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-DS ngày 12/03/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2024/QĐST-DS ngày 12/4/2024 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Số F, Q, phường T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Hùng A – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị N – Giám đốc xử lý nợ

Địa chỉ: Tòa nhà C, T1, số A, đường T, phường T, quận C, Hà Nội (Theo quyết định uỷ quyền số 0267/2023/QĐ-HĐQT ngày 10/4/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP K)

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng:

- Ông Dư Văn G, sinh năm 1986, (Có mặt).

- Bà Hoàng Minh T, sinh năm 1988, (Vắng mặt).

- Ông Trần Trọng H, sinh năm 1997, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tòa nhà C, T1, số A, đường T, phường T, quận C, Hà Nội

* ***Bị đơn:*** Bà Hoàng Thanh L, sinh năm: 1989, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Phòng F, chung cư Q, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:

- Ngày 14/01/2021 **Ngân hàng thương mại cổ phần K** (Sau đây viết tắt là Ngân hàng) và bà **Hoàng Thanh L** đã ký Hợp đồng tín dụng số TTC202111780/HĐTD số tiền vay: 1.303.138.102 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Dự án **khu đô thị G**, thời hạn vay 420 tháng, để thực hiện Hợp đồng tín dụng này:

- Ngày 14/01/2021 bà **Hoàng Thanh L** đã ký đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số TTC202111780/01 với:

- + Số tiền vay: 1.140.245.839 đồng.
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Dự án **khu đô thị G**.
- + Thời hạn vay: 420 tháng
- + Lãi suất: Giai đoạn 1 áp dụng lãi suất cố định 8.4%/năm trong thời gian từ ngày nhận nợ đến hết ngày 16/1/2023, giai đoạn 2 áp dụng lãi suất cố định 8.4%/năm trong thời gian từ sau ngày kết thúc giai đoạn 1 đến hết 26 tháng kể từ ngày nhận nợ. Giai đoạn còn lại áp dụng lãi suất thả nổi trong thời gian còn lại của thời gian vay, kể từ sau ngày kết thúc giai đoạn 2 và được xác định bằng lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng (+) biên độ 3.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được **T1** quy định theo từng thời kỳ tương ứng đối tượng khách hàng và được điều chỉnh một (01) tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng.

- Ngày 26/04/2021 bà **Hoàng Thanh L** đã ký đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số TTC202111780/02 với:

- + Số tiền vay: 162.892.263 đồng.
- + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Dự án **khu đô thị G**.
- + Thời hạn vay: từ ngày nhận nợ đến ngày trả nợ cuối cùng 16/01/2056.
- + Lãi suất: Giai đoạn 1 áp dụng lãi suất cố định 8.08%/năm trong thời gian từ ngày nhận nợ đến hết ngày 16/1/2023, giai đoạn 2 áp dụng lãi suất cố định 8.08%/năm trong thời gian từ sau ngày kết thúc giai đoạn 1 đến hết 24 tháng kể từ ngày nhận nợ. Giai đoạn còn lại áp dụng lãi suất thả nổi trong thời gian còn lại của thời gian vay, kể từ sau ngày kết thúc giai đoạn 2 và được xác định bằng lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng (+) biên độ 3.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được **T1** quy định theo từng thời kỳ tương ứng đối tượng khách hàng và được điều chỉnh một (01) tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà **Hoàng Thanh L** đã vi phạm thỏa thuận tại **Hợp Đồng T**, đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 01/8/2023 bà **Hoàng Thanh L** đã trả cho Ngân hàng được 214.478.315 đồng tiền lãi, ngoài ra bà **Hoàng Thanh L** chưa thanh toán thêm được khoản nào khác.

Số tiền nợ còn lại của bà **Hoàng Thanh L** tại Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/8/2023 là: Nợ gốc: 1.303.138.102 đồng; Nợ lãi: 81.466.135 đồng; Tổng nợ: 1.384.604.237 đồng

Ngân hàng khởi kiện bà **Hoàng Thanh L** ra trước Tòa án nhân dân có thẩm quyền, kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà **Hoàng Thanh L** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP K** theo Hợp đồng tín dụng số TTC202111780/HĐTC ngày 14/01/2021 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 1.384.604.237 đồng trong đó nợ gốc là 1.303.138.102 đồng, nợ lãi là 81.466.135 đồng và toàn bộ lãi phát sinh liên quan đến khoản vay kể từ ngày 02/8/2023 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay, mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng)

*Tại bản tự khai ngày 01/12/2023, bị đơn chị **Hoàng Thanh L** trình bày:*

Hiện nay, chị đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Toàn bộ giấy tờ, hồ sơ ký kết với ngân hàng đã bị thất lạc. Chị đã mất khả năng thanh toán và chị từ chối mọi yêu cầu làm việc của Tòa án.

Tại phiên tòa, Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng) và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu chị **L** có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 1.503.988.457 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.303.138.102 đồng, lãi trong hạn 185.151.619 đồng, lãi quá hạn 4.020.374 đồng, lãi chậm trả 11.678.362 đồng. Ngoài ra, chị **L** vẫn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi thực trả hết nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện: Buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng).

+ Buộc chị **L** có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 1.503.988.457 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.303.138.102 đồng, lãi trong hạn 185.151.619 đồng, lãi quá hạn 4.020.374 đồng, lãi chậm trả 11.678.362 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 cho đến ngày thực trả hết nợ theo thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký.

+ Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn là chị **Hoàng Thanh L** đã được triệu tập họp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với bị đơn.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ gốc và nợ lãi còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Do vậy, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn là chị **Hoàng Thanh L** hiện đang cư trú tại: **Phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang**. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang có thẩm quyền giải quyết vụ án theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu phạt hợp đồng:

Tại đơn khởi kiện ngân hàng yêu cầu:

- Buộc bà **Hoàng Thanh L** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Ngân hàng TMCP K** theo Hợp đồng tín dụng số TTC202111780/HĐTC ngày 14/01/2021 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 01/8/2023 là 1.384.604.237 đồng trong đó nợ gốc là 1.303.138.102 đồng, nợ lãi là 81.466.135 đồng và toàn bộ lãi phát sinh liên quan đến khoản vay kể từ ngày 02/8/2023 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ khoản vay, mức lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về nội dung buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng) nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng).

[2.2] Yêu cầu trả nợ gốc, nợ lãi:

Theo lời khai của nguyên đơn và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở xác định:

Ngày 14/01/2021, **Ngân hàng T1** và bà **Hoàng Thanh L** đã ký Hợp đồng tín dụng số TTC202111780/HĐTD số tiền vay: 1.303.138.102 đồng, mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Dự án **khu đô thị G**, thời hạn vay 420 tháng, để thực hiện Hợp đồng tín dụng này:

Ngày 14/01/2021 bà **Hoàng Thanh L** đã ký đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số TTC202111780/01 với:

-Số tiền vay: 1.140.245.839 đồng.

-Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Dự án khu đô thị G.

-Thời hạn vay: 420 tháng

-Lãi suất: Giai đoạn 1 áp dụng lãi suất cố định 8.4%/năm trong thời gian từ ngày nhận nợ đến hết ngày 16/1/2023, giai đoạn 2 áp dụng lãi suất cố định 8.4%/năm trong thời gian từ sau ngày kết thúc giai đoạn 1 đến hết 26 tháng kể từ ngày nhận nợ. Giai đoạn còn lại áp dụng lãi suất thả nổi trong thời gian còn lại của thời gian vay, kể từ sau ngày kết thúc giai đoạn 2 và được xác định bằng lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng (+) biên độ 3.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ tương ứng đối tượng khách hàng và được điều chỉnh một (01) tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng.

Ngày 26/04/2021 bà Hoàng Thanh L đã ký đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số TTC202111780/02 với:

-Số tiền vay: 162.892.263 đồng.

-Mục đích vay: Thanh toán tiền mua bất động sản tại Dự án khu đô thị G.

-Thời hạn vay: từ ngày nhận nợ đến ngày trả nợ cuối cùng 16/01/2056.

-Lãi suất: Giai đoạn 1 áp dụng lãi suất cố định 8.08%/năm trong thời gian từ ngày nhận nợ đến hết ngày 16/1/2023, giai đoạn 2 áp dụng lãi suất cố định 8.08%/năm trong thời gian từ sau ngày kết thúc giai đoạn 1 đến hết 24 tháng kể từ ngày nhận nợ. Giai đoạn còn lại áp dụng lãi suất thả nổi trong thời gian còn lại của thời gian vay, kể từ sau ngày kết thúc giai đoạn 2 và được xác định bằng lãi suất cơ sở chuẩn dài hạn cộng (+) biên độ 3.5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu được T1 quy định theo từng thời kỳ tương ứng đối tượng khách hàng và được điều chỉnh một (01) tháng một lần vào các ngày 15 hàng tháng.

Theo hợp đồng tín dụng thì chị L đã vi phạm như sau:

Đối với Khế ước nhận nợ số TTC202111780/01 ngày 14/01/2021 Chị Hoàng Thanh L vi phạm nghĩa vụ trả lãi vào ngày 27/01/2023.

Đối với Khế ước nhận nợ số TTC202111780/02 ngày 26/4/2021 Chị Hoàng Thanh L vi phạm nghĩa vụ trả lãi vào ngày 26/11/2022.

Hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị kiêm khế ước nhận nợ trên được lập, ký kết đúng quy định của pháp luật, của Ngân hàng. Nay, ngân hàng yêu cầu: Buộc chị L có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 10/5/2024 là 1.503.988.457 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.303.138.102 đồng, lãi trong hạn 185.151.619 đồng, lãi quá hạn 4.020.374 đồng; lãi chậm trả 11.678.362 đồng và toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 11/5/2024 cho đến ngày thực trả hết nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu chị L trả số tiền nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 91; Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao; Thông tư số 39/ 2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1** nên được chấp nhận.

[2] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 429; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần K**.
2. Buộc chị **Hoàng Thanh L** phải trả **Ngân hàng thương mại cổ phần K** số tiền tính đến ngày 10/5/2024 là 1.503.988.457 đồng, trong đó nợ gốc là: 1.303.138.102 đồng, lãi trong hạn 185.151.619 đồng, lãi quá hạn 4.020.374 đồng; lãi chậm trả 11.678.362 đồng theo Hợp đồng tín dụng số TTC202111780/HĐTD ngày 14/01/2021 và các khế ước nhận nợ kèm theo.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu: Buộc bà **Hoàng Thanh L** thanh toán cho **Ngân hàng TMCP K** tiền vi phạm hợp đồng là 104.251.048 đồng (tương đương với 8% giá trị hợp đồng).

4. Về án phí: Chị **Hoàng Thanh L** phải chịu 57.119.600 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả **Ngân hàng thương mại cổ phần K** số tiền 28.330.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000161 ngày 23/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang.
- VKSND Tp Bắc Giang.
- CCTHADS Tp Bắc Giang .
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Đình Hưng